

Bản án số: **101/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày: 28/12/2023  
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm

+ Ông Phan Văn Đáng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Liên Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần T (T Tran); sinh năm 1989; địa chỉ: 1027 A, Hoa Kỳ. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị Mỹ P; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác thì Ông Trần T (T Tran) trình bày như sau:*

Ông Trần T và bà Trần Thị Mỹ P tự nguyện tìm hiểu nhau, sau một thời gian cả hai quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/5/2018. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau tại Việt Nam. Sau một thời gian, ông T xuất cảnh sang Mỹ theo diện đoàn tụ gia đình. Từ đó đến nay, cả hai không T xuyên liên lạc, do khoảng cách địa lý quá xa không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tình cảm giữa ông T và bà P đã hết nên ông có nguyện vọng xin ly hôn.

Về con chung: Ông Trần T (T Tran) và bà Trần Thị Mỹ P có 01 người con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 13/02/2017, ông T có nguyện vọng giao cháu Nhật M cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng 5.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần T (T Tran) khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Trần Thị Mỹ P trình bày:* Bà P đồng ý ly hôn với Ông Trần T và xin được nuôi con là cháu Trần Nhật M, yêu cầu ông T cấp dưỡng 5.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho Ông Trần T (T Tran) được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ P.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Trần Nhật M cho bà Trần Thị Mỹ P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, Ông Trần T (T Tran) cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần T (T Tran) có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của Ông Trần T (T Tran) về việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt anh Trần T theo khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần T (T Tran) và bà Trần Thị Mỹ P kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau tại Việt Nam. Sau một thời gian, ông T xuất cảnh sang Mỹ theo diện đoàn tụ gia đình. Từ đó đến nay, cả hai không T xuyên liên lạc, khoảng cách địa lý quá xa không có thời gian quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, hiện nay Ông Trần T (T Tran) và bà Trần Thị Mỹ P mỗi người sống một nơi khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Trần Thị Mỹ P cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho Ông Trần T (T Tran) được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Ông Trần T (T Tran) và bà Trần Thị Mỹ P có 01 người con chung là cháu Trần Nhật M, sinh ngày 13/02/2017, ông T và bà P đều thống nhất giao cháu Nhật M cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng

thành, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/tháng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần T (T Tran) và bà Trần Thị Mỹ P khai không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần T (T Tran) phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí cấp dưỡng: Ông Trần T (T Tran) phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 110, Điều 116, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127, Điều 129 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Ông Trần T (T Tran) được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật M, sinh ngày 13/02/2017 cho bà Trần Thị Mỹ P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, Ông Trần T (T Tran) cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/tháng. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trần Nhật M đủ 18 tuổi.

Ông Trần T (T Tran) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần T (T Tran) và bà Trần Thị Mỹ P đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần T (T Tran) phải chịu 300.000 đồng (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0000416 ngày 27/9/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

5. Về án phí cấp dưỡng: Ông Trần T (T Tran) phải chịu 300.000 đồng.

Bà Trần Thị Mỹ P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần T (T Tran) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Thái Thị Hồng Vân**